TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Diễm Thuý;

2. Ông Nguyễn Quốc Sử.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố A tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Sóc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn E, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã Q, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Đào Thanh B, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: ấp X, xã H, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn E trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh B được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2013, hôn nhân tự tìm hiểu, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến

năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cự cải, cũng từ đó anh chị ly thân cho đến nay, cả hai cũng không tạo cơ hội hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đào Thanh B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đào N, sinh ngày 28/4/2014 và Đào C, sinh ngày 24/02/2021. Chị E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con, hiện các con đang sống với chị E.

- Về chia tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Đào Thanh B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B thống nhất ly hôn với chị Nguyễn E.

- Về nuôi con chung: Anh B thống nhất giao hai con chung tên Đào N, sinh ngày 28/4/2014 và Đào C, sinh ngày 24/02/2021 cho chị E tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn E; về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị E. Chị Nguyễn E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào N, sinh ngày 28/4/2014 và Đào C, sinh ngày 24/02/2021. Anh Đào Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị E không yêu cầu; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn anh Đào Thanh B có địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa Thuận, xã H, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố A theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Đào Thanh B có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn E yêu cầu ly hôn với anh Đào Thanh B. Hội đồng xét xử xét thấy, chị E và anh B cưới nhau và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình hôn nhân anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân và kể từ khi ly thân anh chị cũng không hàn gắn lại tình cảm. Đối với anh B mặc dù đã gửi bản khai thống nhất ly hôn với chị E, nhưng lại không đến Tòa án tham gia hòa giải thuận tình ly hôn. Từ phần phân tích trên, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị E là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

"1. *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."*

[2.2] Về con chung: Chị E yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Đào N, sinh ngày 28/4/2014 và Đào C, sinh ngày 24/02/2021, chị E không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Theo nội dung trình bày tại bản khai anh B cũng đã thống nhất giao con cho chị E nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng cho con nên, đều này phù hợp với yêu cầu của chị E, nguyện vọng muốn sống cùng mẹ của cháu Hậu và đồng thời hiện nay hai cháu đều đang được chị E nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị E là có căn cứ.

Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

...

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Chị E cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị E và anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị E và anh B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

[4.1] Chị Nguyễn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0005074 ngày 09/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, chị E đã nộp xong.

[4.2] Anh Đào Thanh B không phải chịu án phí dân sự sở thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn E. Cho chị Nguyễn E ly hôn với anh Đào Thanh B.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn E. Chị Nguyễn E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đào N, sinh ngày 28/4/2014 và Đào C, sinh ngày 24/02/2021. Anh B không phải cấp dưỡng cho con, do chị E không yêu cầu. Chị E cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị E và anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị E và anh B thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai số 0005074 ngày 09/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Đồng Tháp, chị E đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui đinh tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp. A;
- UBND xã H, TP. A;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mai Trinh